

DANH MỤC CẦN BẢO GIÁ

(kèm theo Thông báo mời chào giá số /TTKN ngày 02/02/2026 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
1	Môi trường Modified Lethen Broth	- Thành phần/lít: Peptic digest of meat 20,0g Pancreatic digest of casein 5,0g Beef extract 5,0g Yeast extract 2,0g Sodium chloride 5,0g Sodium bisulphite C19 0,1g Lecithin 0,7g Polysorbate 80 5,0g pH (at 25°C) 7.0±0.2	Lọ 500g	Lọ	2
2	Môi trường lỏng Selenit – cystin	- Thành phần/lít: Casein thủy phân bởi pancreatin 5,0g Natri phosphat 10,0g Lactose 4,0g L-cystin 0,010g pH (at 25°C) 7.0±0.2	Lọ 500g	Lọ	1
3	Môi trường lỏng Tetrathionat	Thành phần/lít: Casein thủy phân bởi pancreatin 2.5g Peptone 2.5g Bile salts 1.0g Calcium carbonate 10.0g Sodium thiosulphate 30.0g	Lọ 500g	Lọ	1

4	Casein soyabean digest agar (Tryptone soya agar)	Thành phần/lít: Pancreatic digest of casein hoặc Peptone from casein 15 g Soya peptone 5 g Sodium chloride 5 g Agar 15 g pH (ở 25°C) 7.3±0.2	Lọ 500g	Lọ	2
5	Sabouraud dextrose agar (SA)	Thành phần/lít: Dextrose (Glucose) 40 g Peptone 5g + Pancreatic digest of casein hoặc Peptone from casein 5g (hoặc Mycological peptone 10 g) Agar 15 g - pH (ở 25°C) 5.6±0.2	Lọ 500g	Lọ	2
6	Xylose-Lysine Deoxycholate Agar (XLD agar)	Thành phần/ lít: Xylose 3,5 g L-Lysin 5,0 g Lactose monohydrat 7,5 g Sucrose 7,5 g Natri clorid 5,0 g Cao nấm men 3,0 g Đỏ phenol 80 mg Thạch 13,5 g Natri deoxycholat 2,5 g Natri thiosulfat 6,8 g Sắt amoni citrat 0,8 g - pH (ở 25°C) = 7,4 ± 0,2	Lọ 500g	Lọ	1
7	Meat Extract Powder	Dùng cho vi sinh vật	Lọ 500g	Lọ	1

8	MRS Agar	- Thành phần/ lít: Pepton 10,0g Cao thịt 10,0g Cao men bia 4,0g Glucose 20,0g Dikali hydrophosphat 2,0g Tween 80 1,0g Diamoni hydro citrat 2,0g Natri acetat 5,0g Mangan sulfat.H ₂ O 0,04g Magnesi sulfat.5H ₂ O 0,2g Thạch 14,0g '- pH (ở 25°C) = 5,6 - 5,9	Lọ 500g	Lọ	1
9	Bismuth sulfit agar	Thành phần/lít: Peptone 5g + Pancreatic digest of casein 5g (hoặc peptone: 10g) Beef extract hoặc meat extract 5g Dextrose (Glucose) 5g Disodium phosphate hoặc Sodium phosphate 4g Ferrous sulphate 0.3g Bismuth sulphite 8g Brilliant green 0.025g Agar 20g '- pH (ở 25°C) 7.7±0.2 hoặc 7.6±0.2	Lọ 500g	Lọ	1

10	Brilliant Green Agar Medium	Thành phần/lít: Peptone 5.0g Tryptone 5.0g Yeast extract 3.0g Lactose 10.0g Sucrose 10.000 Sodium chloride 5.0g Phenol red 0.08g Brilliant green 0.0125g Agar 20.0g pH sau tiệt khuẩn (ở 25°C) 6.9±0.2	Lọ 500g	Lọ	1
11	Môi trường thạch Levine - Eosin - xanh methylen	Thành phần/lít: Gelatin thủy phân bởi pancreatin 10,0 g Dikali hydrophosphat 2,0 g Thạch 10,0 g Lactose 10,0 g Eosin Y 0,4 g Xanh methylen 0,065 g pH sau khi tiệt khuẩn (ở 250C): 7,1 ± 0,2	Lọ 500g	Lọ	1
12	Triple Sugar Iron Agar (TSI)	Thành phần/ lít: Casein thủy phân bởi pancreatin 10,0 g Mô động vật thủy phân bởi pancreatin 10,0g Yeast extract 3.0g Meat extract 3.0g Lactose 10,0 g Sucrose 10,0 g Dextrose 1,0 g Ferrous sulphate 0,2 g Natri clorid 5,0 g Natri thiosulfat 0,3 g Thạch 9-18,0 g Đỏ phenol 0,024 - 0,025g '- pH (ở 25°C) = 7,4 ± 0,2	Lọ 500g	Lọ	1

13	Môi trường trypton/tryptophan	Thành phần/ lít: Trypton 10g Natri clorua (NaCl) 5g DL-Tryptophan 1g pH (ở 25°C) = 7,5 ± 0,2	Lọ 500g	Lọ	1
14	Môi trường số 11	Thành phần/ lít: Pepton 6,0 g Casein thủy phân bởi pancreatin 4,0 g Cao thịt bò 1,5 g Cao nấm men 3,0 g Glucose monohydrat 1,0 g Thạch 15,0 g - pH (ở 25°C) = 7,9	Lọ 500g	Lọ	1
15	Môi trường Pseudomonas Agar Base (CN Agar)	Thành phần/ lít: Gelatin pepton 16,0g Casein hydrolysat 10,0 g Kali sunfat (khan) 10,0 g Magie clorua (khan) (MgCl ₂) 1,4 g Thạch 11,0 g đến 18,0 g - pH (ở 25°C) = 7,1 ± 0,2	Lọ 500g	Lọ	1
16	Môi trường Bile Esculin Azide Agar	Thành phần/ lít: Trypton 17,0 g Pepton 3,0 g Chất chiết nấm men 5,0 g Mật bò, khô 10,0 g Natri clorua 5,0 g Aesculin 1,0 g Amoni-sắt (III) citrat 0,5 g Natri azid (NaN ₃) 0,15 g Thạch 15 g - pH (ở 25°C) = 7,1 ± 0,1	Lọ 500g	Lọ	1

17	Môi trường Eugon LT 100 Broth	Thành phần/lít: Pancreatic digest of casein 15,0g Papaic digest of soybean meal 5,0g L - cystine 0,7g Sodium chloride 4,0g Sodium sulfite 0,2g Glucose 5,5g Egg lecithin 1,0g Polysorbate 80 5,0g Octoxynol 9 1,0g pH (nhiệt độ phòng) 7.0±0.2	Lọ 500g	Lọ	2
----	----------------------------------	--	---------	----	---